

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 27
Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Lagu thịt gà, khoai tây, khoai môn, nấm đông cô – Bánh mì
- NT: Cháo gà khoai tây, bắp mỹ
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng - Cá bông lau sốt cà chua - Canh khoai mì nấu tôm khô
Xế: Bánh Flan
Xế chiều: Phở nấu mực, bắp mỹ, su su, tần ô, củ cải, hành tây, nấm rom
- NT: Cháo mực su su, tần ô

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	500	3,140	15,700
2	0494	Đường cát	100	3,780	3,780
3	N0966	Muối Iot	100	740	740
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	200	4,180	8,360
5	0004	Gạo tẻ máy	1,700	2,560	43,520
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	5,360	2,680
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,820	4,410
8	N0772	Thịt ức gà	400	12,920	51,680
9	0033	Khoai môn	300	6,410	19,230
10	0037	Khoai tây	200	3,890	7,780
11	0209	Nấm hương tươi (nấm đông cô)	150	22,050	33,075
12	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	50	6,410	3,205
13	N0861	Dầu màu điều	30	42,900	12,870
14	0087	Cà chua	300	5,670	17,010
15	0436	Cá basa (phi lê)	1,600	18,170	290,720
16	0027	Củ sắn (khoai mì)	800	2,630	21,040
17	0158	Rau húng	50	11,870	5,935
18	0426	Tôm khô	50	78,100	39,050
19	0645	Bánh phở khô	200	8,800	17,600
20	0007	Ngô bắp tươi	200	3,990	7,980
21	0180	Su su	200	3,260	6,520
22	0095	Cải cúc (tần ô)	100	6,300	6,300
23	0121	Hành tây	100	3,570	3,570
24	0103	Củ cải trắng	200	2,730	5,460
25	0632	Mực ống	400	36,650	146,600
26	0587	Bánh flan (Caramen)	864	14,750	127,440

27	0457	Sữa bột toàn phần	496.13	19,500	96,745
Tổng cộng					999,000

Tổng tiền thực phẩm	999,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	999,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiền chuẩn lũy kế từ đầu tháng	16,724,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	16,724,001

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan